

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình Củng cố, phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và Cam kết tham gia Chương trình Kế hoạch hóa gia đình toàn cầu đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Căn cứ Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030; Quyết định số 1559/QĐ-BYT ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Bộ Y tế phê duyệt Kế hoạch thực hiện Cam kết tham gia Chương trình kế hoạch hóa gia đình toàn cầu đến năm 2030.

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Củng cố, phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và Cam kết tham gia Chương trình Kế hoạch hóa gia đình toàn cầu đến năm 2030 (viết tắt: FP2030) trên địa bàn tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Thực hiện hiệu quả Kế hoạch thực hiện Chương trình Củng cố, phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và Cam kết tham gia Chương trình Kế hoạch hóa gia đình toàn cầu đến năm 2030.

- Xác định nhiệm vụ cụ thể, trách nhiệm của các sở, ngành và các xã, phường trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Yêu cầu

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc hơn nữa vai trò của công tác kế hoạch hóa gia đình trong việc duy trì vững chắc mức sinh thay thế, tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại, hỗ trợ sinh sản, dự phòng vô sinh tại cộng đồng; giảm mang thai ngoài ý muốn, nhất là vị thành niên, thanh niên.

- Phân tích thực trạng chương trình kế hoạch hóa gia đình tại địa phương, hạn chế, khó khăn và nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế để làm cơ sở đề xuất cơ chế, chính sách, biện pháp can thiệp phù hợp.

- Triển khai các nhiệm vụ bám sát nội dung Kế hoạch thực hiện Chương trình Củng cố, phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và Cam kết tham gia Chương trình Kế hoạch hóa gia đình toàn cầu đến năm 2030 theo Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1559/QĐ-BYT ngày 01/6/2026 của Bộ Y tế.

- Xác định rõ trách nhiệm, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc thực hiện Kế hoạch.

- Việc thực hiện các nhiệm vụ phải đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả và khả thi; Bảo đảm nguồn lực cho việc thực hiện Kế hoạch.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

Bảo đảm đầy đủ, đa dạng, kịp thời, an toàn, thuận tiện, công bằng, có chất lượng các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân; giảm nhu cầu chưa được đáp ứng về kế hoạch hóa gia đình của thanh niên, vị thành niên, góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) 100% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại, hỗ trợ sinh sản, dự phòng vô sinh tại cộng đồng; tiếp tục giảm mạnh số vị thành niên, thanh niên có thai ngoài ý muốn.

b) Trên 90% cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định (bao gồm cả khu vực công lập và ngoài công lập).

c) 100% xã, phường tiếp tục triển khai cung ứng các biện pháp tránh thai phi lâm sàng thông qua đội ngũ cộng tác viên dân số, nhân viên y tế khóm, ấp.

d) 100% trạm y tế xã, phường có cơ sở y tế cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình lâm sàng, thực hiện các biện pháp tránh thai lâm sàng và hỗ trợ kỹ thuật.

đ) Trên 95% xã, phường thường xuyên tổ chức tuyên truyền, vận động, cung cấp kiến thức cho người dân về kế hoạch hóa gia đình, sử dụng biện pháp tránh thai, hệ lụy của phá thai (nhất là đối với vị thành niên, thanh niên).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện cơ chế chính sách; quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về cung cấp phương tiện tránh thai, dịch vụ KHHGD

a) Triển khai thực hiện đầy đủ theo hướng dẫn của Bộ Y tế (Cục Dân số) các quy định về cung cấp phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình;

b) Ban hành kế hoạch, văn bản chỉ đạo thực hiện Chương trình; kịp thời ban hành chính sách phù hợp về kế hoạch hóa gia đình; giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị; đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; có biện pháp điều chỉnh kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tiễn.

c) Áp dụng thử nghiệm, phổ biến các kỹ thuật mới, hiện đại nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

2. Tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi

a) Định kỳ cung cấp thông tin, vận động cấp ủy, chính quyền tăng cường

lãnh đạo, chỉ đạo và hỗ trợ nguồn lực. Vận động các tổ chức, cá nhân tham gia xã hội hóa cung ứng phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

b) Đa dạng hóa các loại hình truyền thông, chú trọng kênh thông tin đại chúng; các sản phẩm truyền thông phù hợp với từng địa phương. Tăng cường áp dụng công nghệ hiện đại, internet, mạng xã hội trong tuyên truyền, vận động về kế hoạch hóa gia đình; lồng ghép với các hoạt động truyền thông của các Chương trình, Đề án khác.

c) Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới và giới tính trong nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi theo khung chương trình và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tăng cường tư vấn trước, trong và sau khi sử dụng dịch vụ tại các cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; tư vấn tại cộng đồng về tình dục an toàn, hệ lụy của phá thai, hỗ trợ sinh sản, dự phòng vô sinh.

3. Phát triển mạng lưới dịch vụ kế hoạch hóa gia đình

3.1. Tăng cường tiếp cận các biện pháp tránh thai hiện đại

- Hoàn thiện cơ chế chính sách; quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật.
- Lồng ghép nội dung kế hoạch hóa gia đình vào các chiến lược và chính sách quốc gia về nâng cao năng lực và đáp ứng bền vững với biến đổi khí hậu và thiên tai.
- Tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi về sử dụng các biện pháp tránh thai cho các cá nhân và các cặp vợ chồng, đặc biệt là nam giới.
- Triển khai ứng dụng công nghệ số trong tổ chức cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.
- Phát triển mạng lưới dịch vụ kế hoạch hóa gia đình bao gồm cơ sở công lập, ngoài công lập, các tổ chức xã hội và cộng đồng cho các cá nhân và cặp vợ chồng, đặc biệt trong điều kiện thiên tai và bệnh dịch.
- Đào tạo cập nhật kỹ năng thực hiện dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cho đội ngũ cán bộ cung cấp dịch vụ công lập, ngoài công lập, các tổ chức xã hội và cộng đồng (bao gồm cơ sở cung cấp dịch vụ, cơ sở bán lẻ thuốc).
- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực, sự tham gia của cộng đồng, tổ chức xã hội, các tổ chức liên quan.

3.2. Giảm có thai ngoài ý muốn ở thanh niên vị thành niên

- Thực hiện thu thập số liệu sử dụng các biện pháp kế hoạch hóa gia đình của vị thành niên, thanh niên, đặc biệt ở các nhóm dân số yếu thế để có đủ bằng chứng nhằm vận động nguồn lực, lập kế hoạch và tổ chức cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình có chất lượng cho những nhóm đối tượng trên.
- Thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới và giới tính trong nhà trường phù hợp với từng cấp học, từng lứa tuổi.

- Mở rộng các hình thức cung cấp phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình thân thiện cho vị thành niên, thanh niên tại các cơ sở y tế trong, ngoài công lập.

- Tăng cường chất lượng tư vấn trước, trong và sau khi sử dụng dịch vụ tại các cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

- Tăng cường đào tạo cho người cung cấp dịch vụ về dịch vụ sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình cho vị thành niên, thanh niên.

- Nghiên cứu, đánh giá, truyền thông giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi của các bậc làm cha mẹ, gia đình, xã hội và cộng đồng về dân số, kế hoạch hóa gia đình đối với vị thành niên, thanh niên.

3.3. Tăng cường chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình

- Củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình ở các cấp; đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, đặc biệt ưu tiên cho khu vực có đồng bào dân tộc thiểu số và các khu công nghiệp có nhiều lao động trẻ nhập cư.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân viên y tế cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình ở các tuyến.

- Rà soát, điều chỉnh hoặc bãi bỏ một số quy định đã làm hạn chế cung cấp phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình có chất lượng.

- Kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định về công tác kế hoạch hóa gia đình thông qua việc xây dựng các bộ công cụ đánh giá nhanh về chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, xây dựng các bộ công cụ giám sát hỗ trợ cộng tác viên dân số; kiểm định chất lượng phương tiện tránh thai, cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, trong đó bao gồm cả sự tôn trọng quyền lựa chọn của khách hàng và sự hài lòng của khách hàng tới chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

3.4. Tăng cường cung cấp biện pháp tránh thai phi lâm sàng

- Đa dạng hóa sản phẩm phương tiện tránh thai phi lâm sàng, bảo đảm nguồn cung ổn định tại tuyến cơ sở.

- Nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng tư vấn, theo dõi, quản lý đối tượng sử dụng biện pháp tránh thai phi lâm sàng cho đội ngũ cộng tác viên dân số, nhân viên y tế khám, cấp.

- Phối hợp liên ngành tại địa phương giữa cộng tác viên dân số, nhân viên y tế khám, cấp với các đơn vị liên quan như hội phụ nữ, đoàn thanh niên, hội nông dân, những người có uy tín trong cộng đồng... trong công tác tuyên truyền, vận động người dân sử dụng biện pháp tránh thai phi lâm sàng tại cộng đồng.

- Nâng cao chất lượng hệ thống tin quản lý hậu cần phương tiện tránh thai và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình (LMIS);

- Thí điểm mô hình cung cấp dịch vụ phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn.

3.5. Tăng cường cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình lâm sàng tại tuyến xã

- Củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình ở xã, phường; đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân viên y tế cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình tại xã, phường.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

- Hoàn thiện, nâng cao chất lượng hệ thống tin quản lý hậu cần phương tiện tránh thai và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

4. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực thực hiện kế hoạch

Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia kế hoạch; huy động toàn bộ hệ thống y tế, dân số tham gia thực hiện kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao, ưu tiên bảo đảm hoạt động ở tuyến cơ sở. Đồng thời, cần tăng cường huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện kế hoạch.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện kế hoạch do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách trong từng thời kỳ, được bố trí trong dự toán chi của cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác; lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án, dự án liên quan.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Đầu mối chủ trì xây dựng kế hoạch và triển khai các nội dung của kế hoạch; phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai, lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của kế hoạch với các Chương trình, Đề án khác có liên quan ở địa phương nhằm thực hiện thành công kế hoạch này (chú trọng Kế hoạch triển khai thực hiện Cam kết tham gia Chương trình kế hoạch hóa gia đình toàn cầu đến năm 2030)

- Theo dõi, đôn đốc các cơ quan liên quan và hướng dẫn ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch Sở Y tế đề xuất, Sở Tài chính căn cứ khả năng cân đối nguồn ngân sách hàng năm trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí cho đơn vị thực hiện đối với những nội dung sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các hoạt động giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới và giới tính trong nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi theo định hướng của kế hoạch.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

Tham mưu, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, nghiên cứu khoa học và chuyển đổi số nhằm nâng cao chất lượng dân số.

5. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Phối hợp với Sở Y tế và các Sở, ngành, đơn vị liên quan triển khai các chương trình, đề án, dự án về củng cố, nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình lồng ghép với Cam kết tham gia Chương trình Kế hoạch hóa gia đình toàn cầu đến năm 2030 (FP2030) đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

6. Báo và phát thanh, truyền hình Cà Mau

Tăng cường thời lượng phát sóng, nâng cao chất lượng tuyên truyền về công tác dân số phát triển trong các chương trình, chuyên mục.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Tiếp tục tuyên truyền vận động, cán bộ, hội viên, đoàn viên, Nhân dân, người có uy tín trong đồng bào dân tộc, chức sắc tôn giáo tham gia thực hiện Kế hoạch. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, tham gia triển khai và giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

8. Các sở, ban, ngành tỉnh

Theo chức năng nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp triển khai thực hiện Kế hoạch, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, lồng ghép nội dung Kế hoạch vào các chương trình dự án có liên quan để thực hiện đảm bảo đúng quy định. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, Nhân dân thực hiện các chính sách kế hoạch hóa gia đình; lồng ghép nội dung chăm sóc sức khỏe sinh sản vào các phong trào có liên quan, tập trung vào đối tượng phụ nữ, thanh niên và vị thành niên tại cộng đồng.

9. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Căn cứ nội dung kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh và tình hình thực tế tại xã, phường tiến hành xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch trên địa bàn quản lý; chủ động lồng ghép, sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí được phân cấp với các chương trình, kế hoạch, đề án khác có liên quan trên địa bàn, bảo đảm đồng bộ, kịp thời, toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp quy định tại Kế hoạch này.

VI. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BÁO CÁO

Các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường theo chức năng nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện Kế hoạch này, định kỳ báo cáo 6 tháng (trước ngày 15/6), năm (trước ngày 15/12) kết quả thực hiện Kế hoạch về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo cấp thẩm quyền theo quy định.

Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 19/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu và Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 06/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về triển khai thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- CT UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như phần tổ chức thực hiện;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng KGVX (B⁶⁵);
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Minh Luân